

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN BAMBOO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN BAMBOO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAMBOO INVESTMENT REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BAMBOO IREL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108741966

3. Ngày thành lập: 15/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 69, ngõ 64 phố Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới, định giá bất động sản, Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản	6820
3.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
4.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
5.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
6.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
7.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
8.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
9.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
11.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
12.	Xây dựng nhà để ở	4101
13.	Xây dựng nhà không để ở	4102
14.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
15.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16.	Xây dựng công trình điện	4221
17.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

18.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
19.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
20.	Xây dựng công trình thủy	4291
21.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
22.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
24.	Phá dỡ	4311
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
31.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim	4663

32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
34.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
35.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
39.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
40.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
41.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
42.	Sản xuất máy luyện kim	2823
43.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
44.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
45.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
46.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
47.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
48.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
49.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
50.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
51.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
52.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
53.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
54.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
55.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
56.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
57.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
58.	Bốc xếp hàng hóa	5224
59.	Cho thuê xe có động cơ	7710
60.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
61.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4512
62.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
63.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

64.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
65.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
66.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
67.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
68.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
71.	Đại lý du lịch	7911
72.	Điều hành tua du lịch	7912
73.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
74.	Quảng cáo	7310
75.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
76.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
78.	Bán buôn thực phẩm	4632
79.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT BÊ TÔNG SÔNG ĐÀ	Số 3A, ngõ 80 phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	7.000.000	70.000.000.000	70,000	0103449125	
			Tổng số	7.000.000	70.000.000.000	70,000		
2	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	Thôn Lộc Trung, Xã Nam Hưng, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	10,000	151836991	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	10,000		
3	ĐÀO DUY HƯỜNG	Số 16, tổ 24, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	10,000	025075000100	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	10,000		
4	VŨ HỒNG HẢI	Số 3, tổ 51, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	10,000	013521897	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *28/04/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151836991*

Ngày cấp: *21/03/2006*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Lộc Trung, Xã Nam Hưng, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Lộc Trung, Xã Nam Hưng, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội